

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày 17/6/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Thủy và bà Hồ Thị Thu Uyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 384/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 và thụ lý bổ sung số 384A/2021/TLST-DS ngày 02/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H; địa chỉ: Thôn B, xã N J, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng; địa chỉ: Thôn B, xã N J, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông – Xin vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Phú T; địa chỉ: Thôn B, xã N J, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị Bích H – Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2021 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/12/2022 của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/3/2017 tôi có cho vợ chồng ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng vay số tiền là 150.000.000 đồng; hạn đến ngày 03/3/2019 ông C bà Ng phải trả toàn bộ số tiền này cho tôi. Đến thời hạn theo như cam kết thì tôi có sang nhà ông C bà Ng để yêu cầu ông bà trả số tiền này và lãi suất nhưng ông bà C Ng có xin tôi thêm thời gian để ông bà trả. Vì chỗ quen biết nên tôi cũng tạo điều kiện cho ông bà C Ng thêm thời gian. Đến năm 2021 thì ông bà C Ng đã bán toàn bộ tài sản và không nói gì về việc trả nợ cho

tôi. Do đó, tôi mới làm đơn khởi kiện yêu cầu ông bà C Ng phải trả toàn bộ số tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Trong quá trình thụ lý vụ án thì tôi có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông C bà Ng phải trả cho tôi số tiền lãi là 179.760.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền là 329.760.000 đồng (*Ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*); Do ông C bà Ng trình bày khó khăn nên tôi giảm một phần tiền lãi và không tính lãi suất phát sinh với ông C bà Ng chỉ yêu cầu ông C bà Ng trả số tiền gốc và lãi là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

* Theo bị đơn ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng trong biên bản ghi lời khai trình bày:

Chúng tôi thừa nhận số tiền gốc và lãi mà chúng tôi đã vay tiền của ông Trương Phú T và bà Lê Thị Bích H, mục đích vay tiền để trang trải gia đình, đến thời hạn trả tiền cho ông T bà H thì gia đình tôi khó khăn chưa có khả năng trả cho ông T bà H theo giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất. Hiện tại điều kiện gia đình khó khăn, vợ bị bệnh hiểm nghèo không đi làm kiếm tiền được nên chưa có để trả cho ông Trương Phú T và bà Lê Thị Bích H. Xin ông Trương Phú T và bà Lê Thị Bích H khi nào có tiền thì chúng tôi sẽ trả cho ông Trương Phú T và bà Lê Thị Bích H và xin Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đồng ý lời trình bày của nguyên đơn không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình Tòa án giải quyết phía nguyên đơn có làm đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho rằng bị đơn có dấu hiệu tẩu tán tài sản và Tòa án đã đi xác minh, làm việc với người yêu cầu thể hiện nguyên đơn làm đơn là có căn cứ nên Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quyết định số: 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/11/2021.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa ngày hôm nay; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải trả với số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) còn một phần tiền lãi và lãi suất phát sinh nguyên đơn không yêu cầu thêm vì phía bị đơn trình bày khó khăn; Phía bị đơn trình bày thừa nhận số nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi nhưng điều kiện khó khăn nên xin nguyên đơn khi nào có tiền thì trả cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; T Hnh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần,

không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T số tiền 300.000.000 đồng đồng và án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*** Thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc; tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng không chịu hợp tác, không lên Tòa án làm việc và có trình bày xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng có trình bày đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng cư trú tại: Thôn B, xã N J, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật tranh chấp:** Ngày 30/3/2017 ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng có vay tiền của bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T theo giấy vay tiền vay 30/3/2017; trong giấy vay tiền thể hiện đến ngày 03/3/2019 ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải trả toàn bộ số tiền này và lãi suất cho bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T. Đến thời hạn trả nợ thì ông T bà H đã sang yêu cầu ông C bà Ng trả nhưng ông bà C Ng xin khất, không chịu trả nên bà Lê Thị Bích H mới làm đơn khởi kiện yêu cầu ông C bà Ng phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi theo quy định. Do đó, Tòa án xác định nội dung tranh chấp theo giấy vay tiền này 30/3/2017 và quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về thời hiệu khởi kiện:** Hai bên làm giấy vay tiền đề ngày 30/3/2017 và đến ngày 03/3/2019 người vay phải trả toàn bộ số tiền cho người cho vay. Ngày 10/11/2021 bà Lê Thị Bích H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

*** Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:**

[1] Xét giấy nhận nợ lập ngày 30/3/2017 ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng có vay của bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T với số tiền là 150.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 03/3/2019; trong giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 3 phẩy trên tháng. Tuy nhiên, ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng đã không trả nợ cho bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T theo như thỏa thuận. Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Đối với khoản tiền lãi trong giấy vay tiền ngày 30/3/2017 hai bên thỏa thuận là 3 phẩy/tháng nhưng trong quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của bộ luật dân sự với số tiền lãi cụ thể là 179.760.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*); số tiền trong hạn (từ ngày 01/4/2017 đến 01/3/2019) là 59.760.000 đồng và số tiền quá hạn (từ ngày 04/3/2019 đến 04/01/2022) là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Theo khoản 1 Điều 468 và điểm b khoản 5 Điều 466 của bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá là 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....”

“b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

Theo Bộ luật dân sự quy định là thì lãi suất trong hạn tương đương với 1,66%/ tháng; lãi suất quá hạn tương đương 2,5%/tháng thấp hơn so với thỏa thuận theo giấy vay mượn và phía bị đơn cũng thừa nhận về việc tính lãi suất này nên HĐXX cần ghi nhận về việc tính lãi suất này; lãi được tính cụ thể như sau: Lãi suất trong hạn từ ngày 01/4/2017 đến 01/3/2019 được số tiền cụ thể là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 23 \text{ tháng} = 57.270.000 \text{ đồng}$ (*Năm mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*);

Lãi suất quá hạn từ ngày 04/3/2019 đến 04/01/2022 được số tiền cụ thể là $150.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 34 \text{ tháng} = 127.500.000 \text{ đồng}$ (*Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngoài ra còn khoản lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả lãi.

Tạm tính tổng số tiền lãi là 184.770.000 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*). Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trình bày vì điều kiện ông C bà Ng khó khăn nên nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu ông C bà Ng phải trả số tiền lãi là

150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất phát sinh. Nên HĐXX cần ghi nhận và buộc ông bà C Ng phải trả số tiền lãi này.

[2] Xét giấy nhận nợ hai bên ký kết vay tiền ngày 30/3/2017 hai bên hoàn toàn tự nguyện và đều thừa nhận giấy vay tiền này là có thực nên không phải chứng minh.

[3] Đối với việc tẩu tán tài sản của bị đơn, nguyên đơn đã làm đơn ngăn chặn và được Tòa án xem xét đủ điều kiện nên Tòa án đã ban hành quyết định “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quyết định số 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/11/2021 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông là có căn cứ và cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi với số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) cho bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H.

Buộc ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho bà Lê Thị Bích H và ông Trương Phú T số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Trong đó, số tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền yêu cầu chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/11/2021 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Trọng C và bà Nguyễn Thị Ng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*);

Hoàn trả bà Lê Thị Bích H số tiền là 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và số tiền là 4.494.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ S theo biên lai 0001119 ngày 12 tháng 11 năm 2021 và biên lai 0001170 ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông.

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đ S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân